Sự thay đổi nguồn lực sinh kế của hộ dưới tác động của một số dự án giảm nghèo ở tỉnh Hòa Bình

Ths. Mai Lan Phương, Đỗ Thị Nhài

Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email:maiphuong.hua@gmail.com

Hòa Bình là một tỉnh miền núi với thành phần dân tộc đa dạng và tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao so với các địa phương khác trong cả nước, chiếm 31,51%. Nhiều dự án giảm nghèo đã được triển khai trên địa bản tỉnh trong thời gian qua nhằm giúp hộ nghèo cải thiện các nguồn lực sinh kế, nâng cao thu nhập của hộ... Tuy nhiên, nguồn vốn sinh kế của hộ đã thực sự thay đổi như thế nào dưới tác động của các dự án giảm nghèo được triển khai trên địa bàn tỉnh? Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự thay đổi nguồn vốn sinh kế của hộ thông qua việc sử dụng công cụ đánh giá nhanh nông thôn (RRA),đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) và phương pháp phân tích định tính để thu thập thông tin và phân tích những kết quả đạt được trong việc triển khai các dự án giảm nghèo... Kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn chung các dự án giảm nghèo đã có những tác động tích cực trong việc thay đổi nguồn vốn sinh kế của hộ. Để nâng cao hiệu quả và tính bền vững, các dự án giảm nghèo nên tập trung vào cải thiện nguồn vốn đất đai và nguồn vốn xã hội của hộ trong thời gian tới.

Từ khóa: Nghèo; nguồn vốn sinh kế; chiến lược giảm nghèo

1. Giới thiệu

Hòa Bình là một tỉnh miền núi phía Bắc với thành phần dân tộc đa dạng và tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao so với các địa phương khác trong cả nước chiếm 31,51%. Chính vì thế, trong những năm gần đây, nhiều chương trình, dự án giảm nghèo đã được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nhằm tạo điều kiện cho các hộ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo... như chương trình 135, QĐ 134, Nghị quyết 30a về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững cho 61 huyện nghèo nhất nước. Có thể thấy các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo ở Hòa Bình tập trung vào 2 hướng hỗ trợ chủ yếu: thứ nhất là nhóm dự án cho không thông qua hỗ trợ bằng tiền và vật chất, thứ hai là nhóm dự án hỗ trợ cải thiện nguồn lực và khả năng của người nghèo.

Kết quả của nhiều nghiên cứu (Frank Ellis, 2002 và Lasse Krantz. 2001) đã chỉ ra rằng khả năng hộ nghèo tự tìm kiếm các cơ hội để cải thiện kinh tế phụ thuộc rất lớn vào điều kiện nguồn lực sinh kế của hộ (bao gồm nguồn lực tự nhiên, vốn xã hội, vốn con người, vốn vật chất và vốn tài chính) cho nên tập trung tác động và cải thiện các nguồn lực sinh kế sẽ giúp cho người nghèo có khả năng hội nhập tham gia thị trường và phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, nguồn lực sinh kế của các hộ nghèo ở Hòa Bình đã được cải thiện như thế nào dưới tác động của các dự án giảm nghèo và các dự án giảm nghèo nên tập trung hỗ trợ/cải thiện nguồn lực sinh kế nào để giúp hộ nghèo trong tỉnh phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập và góp phần giảm nghèo một cách bền vững vẫn là câu hỏi đã và đang được đặt ra đối với các cấp chính quyền và các nhà hoạch định chính sách. Chính vì vậy,

nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi nguồn vốn sinh kế của hộ/cộng đồng dưới tác động của các dự án giảm nghèo được triển khai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các dự án giảm nghèo trong việc hỗ trợ các nguồn lực sinh kế của hộ trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Xã Xuân Phong và xã Tu Lý được chọn làm điểm nghiên cứu vì đây là hai xã miền núi có điều kiện kinh tế xã hội tương đối đa dạng mang tính đại diện chung cho các xã thuộc tỉnh Hòa Bình về đặc điểm sản xuất và thành phần dân tộc, đồng thời đây cũng là hai xã đã và đang triển khai một số chương trình, dự án giảm nghèo như hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở và các dự án hỗ trợ cho sản xuất... Nguồn tài liệu thứ cấp sử dụng cho nghiên cứu này được thu thập thông qua các văn kiện Chương trình, báo cáo đánh giá chương trình giảm nghèo, các số liệu về thực hiện các chương trình giảm nghèo ở hai điểm nghiên cứu. Bên cạnh đó một số cuộc thảo luận nhóm với cán bộ và người dân địa phương, và phỏng vấn chuyên sâu một số hộ gia đình đã được thực hiện để thu thập các thông tin về tình hình đói nghèo của địa phương, thực trạng khả năng tiếp cận các nguồn vốn sinh kế của cộng đồng. Phương pháp thống kê mô tả, phân tích so sánh, phân tích định tính... là các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu.

3. Khung phân tích

Phương pháp tiếp cận giảm nghèo theo các nguồn lực sinh kế được sử dụng trong phân tích. Nguồn lực sinh kế được hiểu là tập hợp tất cả nguồn lực và khả năng mà hộ có được, kết hợp với những quyết định mà hộ thực thi nhằm để kiếm sống và để đạt được mục tiêu của hộ. Các nguồn lực của hộ bao gồm: vốn con người, vốn vật chất, vốn tự nhiên, vốn tài chính và vốn xã hội. Việc tiếp cận nguồn lực sinh kế trong phân tích dự án giảm nghèo sẽ giúp xác định nguyên nhân chính ngăn cản người nghèo cải thiện sinh kế của hộ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái quát một số chương trình/dự án xóa đói giảm nghèo được triển khai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Trong giai đoạn 2001- 2005, tỉnh Hòa Bình đã thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo như: hỗ trợ về y tế, giáo dục, chính sách an sinh xã hội, miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, trợ giúp đối tượng nghèo về nhà ở, công cụ lao động và đất sản xuất. Ngoài ra các dự án hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất như: dự án tín dụng, dự án khuyến nông - lâm - ngư, dự án phát triển các ngành nghề xã nghèo, bồi dưỡng đào tạo cán bộ ở các xã nghèo và dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã không thuộc chương trình 135 cũng được thực hiện.

Đến giai đoạn 2006- 2010 Chương trình giảm nghèo của tỉnh tập trung vào ba nhóm hoạt động chính, thứ nhất là *tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập thông qua các dự án về* cung cấp tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đất sản xuất, khuyến nông-lâm-ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, dạy nghề cho người nghèo. Nhóm thứ hai là t*ạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội thông qua h*ỗ trợ về y tế, về giáo dục, về nhà ở và nước sinh hoạt cho người nghèo. Nhóm thứ ba là các dự án về n*âng cao năng lực và nhận thức* cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, thực hiện các hoạt động truyền thông về giảm nghèo và các hoạt động giám sát, đánh giá.

4.2. Sự thay đổi nguồn vốn sinh kế của hộ dưới tác động của một số dự án giảm nghèo

4.2.1. Sự thay đổi nguồn lực đất đai

Trong báo cáo tổng kết Chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2001- 2005 tỉnh Hòa Bình nhấn mạnh một trong những nguyên nhân chủ yếu của nghèo đói là người nghèo không có đất và thiếu đất. Thế nhưng trong các chính sách dự án giảm nghèo được thực hiện tại điểm nghiên cứu trong 10 năm qua thì chưa có những dự án cụ thể nào tập

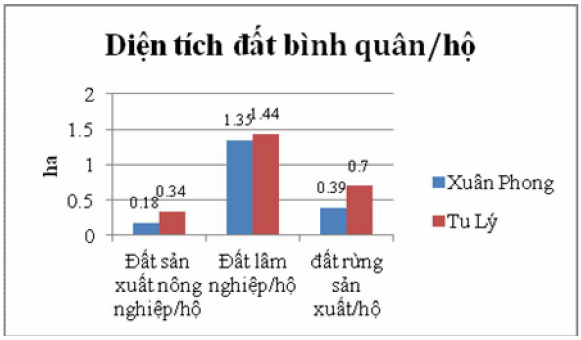

Nguồn: Thông kê xã

trung vào cải thiện tình trạng không có đất hoặc hiếu đất sản xuất của hộ nghèo nói riêng và của cộng đồng nói chung. Trên địa bàn chỉ xuất hiện một số dự án liên quan đến trồng rừng góp phần cải thiện đời sống của người dân như chương trình 661 được bắt đầu thực hiện từ năm 1998 khuyến khích trồng và bảo vệ rừng. Từ năm 1998 các hộ dân ở hai xã đã được giao đất giao rừng nhằm cải thiện và ổn định đời sống. Theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP và hiện nay là nghị định 181/2003/NĐ-CP về thực thi luật đất đai 2003 hộ gia đình được giao với hạn mức đất không quá 30 ha và thời hạn giao khoán là 50 năm. Tuy nhiên do đặc thù là xã vùng cao nên diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hai xã rất ít, chiếm 24,64% đối với xã Tu Lý và 11,74% ở xã Xuân Phong. Bình quân đất sản xuất nông nghiệp của hộ xã Tu Lý là 0,34ha và hộ xã Xuân Phong là 0,18 ha. Nhìn chung diện tích đất trồng cây hàng năm bình quân hộ tương đối ít, sản xuất lúa chủ yếu chỉ phục vụ cho nhu cầu tự cung tự cấp lương thực trong gia đình, không đủ để bán. Ở xã Tu Lý diện tích đất trồng cây hàng năm còn được sử dụng để trồng màu, tuy nhiên số lượng không đáng kể. Diện tích rừng chiếm tỷ lệ lớn trong diện tích đất nông nghiệp của hai xã. Ở xã Tu Lý tỷ lệ diện tích đất rừng chiếm 73,80% và ở xã Xuân Phong là 86,88%. Đất lâm nghiệp ở hai xã chủ yếu có hai loại chính là đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ. Đất rừng phòng hộ chiếm diện tích tương đối lớn trong tổng diện tích đất lâm nghiệp. Ở xã Tu Lý diện tích rừng phòng hộ là 1009,9 ha chiếm 51,32% và ở xã Xuân Phong là 715 ha chiếm 71,05%. Người dân được giao đất rừng sản xuất dựa trên phần diện tích rừng đã nhận từ trước, bình quân mỗi hộ có khoảng 0,7ha đất rừng sản xuất ở xã Tu Lý và 0,39ha ở xã Xuân Phong. Các hộ được giao đất rừng đều được cấp sổ bìa xanh chứng nhận quyền sở hữu đất từ năm 1998. Tuy diện tích đất rừng bình quân hộ cao, tuy nhiên đa phần các hộ nghèo và cận nghèo không có điều kiện sử dụng có hiệu quả nguồn lực này do thiếu vốn, thiếu nhân lực, do đó dẫn đến tình trạng bỏ hoang hoặc cho thuê lại đất rừng. Trường hợp *Bà Bùi thị Quyên, dân tộc nghèo thuộc xóm Rú 1 xã Xuân Phong, gia đình có 4 khẩu trong đó có 2 lao động. Chồng bà chết sớm bỏ lại 3 đứa con. Bà đã phải bán, nhượng lại đất đai để nuôi con, đi làm thuê mướn suốt ngày. Bà Quyên nghèo từ năm 1999, hộ đã được nhà nước hỗ trợ làm nhà, cho vay vốn không lấy lãi. Hộ có đất thổ cư mặt đường cũng bán hết, đất nông nghiệp có ít nhưng đi làm thuê không có thời gian chăm sóc nên năng suất kém, đất lâm nghiệp có khoảng 3000m² nhưng bỏ không vì cách nhà 5km.*

Mặc dù đất đai đã được phân chia lại theo bình quân nhân khẩu trong hộ, nhưng tỷ lệ hộ không có đất sản xuất là tương đối cao. Xét tổng thể số hộ không có đất lúa ở xã Xuân Phong là khoảng 14%, trong khi đó con số này ở xã Tu Lý là trên 20%. Phần lớn tập trung vào các hộ mới tách hoặc di cư từ nơi khác đến. Ở Xã Xuân Phong tỷ lệ hộ không có rừng sản xuất chiếm gần 50% trong khi đó ở Tu Lý là 29,66%.

4.2.2. Cơ sở hạ tầng

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng ở hai xã nghiên cứu còn kém phát triển, phần lớn các hộ nghèo sống trong các nhà tạm, tranh tre nứa lá.. Trong hơn 10 năm qua, chính quyền xã đã tập trung vào cải thiện và nâng cao điều kiện cơ sở vật chất. Một loạt các dự án đã được thực hiện như dự án hỗ trợ như dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã 135 và các xã nghèo, chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo.

Chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo: Các hộ nghèo đã được Nhà nước cho không 8,4 triệu đồng để sửa sang lại nhà ở. 100% số hộ được hỏi hài lòng với chính sách hỗ trợ này. Tuy nhiên các hộ đánh giá rằng số tiền giúp xóa nhà tạm là quá ít, không đủ để mua nguyên vật liệu và trả công xây dựng. Ngoài ra do nguồn lực cho chính sách này phụ thuộc vào ngân sách nhà nước nên việc lập kế hoạch cho các

Bảng 1: Hỗ trợ nhà ở cho người nghèo tại xã Tu Lý và xã Xuân Phong

	2007	2008	2009	2010
Số hộ được giúp đỡ xây nhà ở xã Tu Lý (hộ)	8	16	29	105
Số hộ được giúp đỡ xây nhà ở xã Xuân Phong (hộ)			61	

Nguồn: phòng LĐTBXH xã

hoạt động này rất bị động.

- Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho xã đặc biệt là các xóm 135: Nhờ có chương trình xóa đói giảm nghèo, bộ mặt nông thôn đã thay đổi, tại những xóm 135 ở xã Tu Lý (xóm Mít, xóm Mạ) và Xuân Phong (xóm cạn 1, cạn 2, Mừng, Nhói 1), Nhà nước đã đầu tư các trục đường chính vào đến tận xóm, vì vậy việc đi lại thuận tiện hơn. Ngoài ra, các xóm này cũng được đầu tư xây dựng nhà văn hóa xóm, là nơi để người dân tham gia sinh hoạt. Nhìn chung so với trước, điều kiện về cơ sở hạ tầng đã được cải thiện rõ rệt. Theo báo cáo của dự án 135 giai đoạn 2 tại xã Xuân Phong, tính đến năm 2008, xã đã được đầu tư 320 triệu đồng cho Phát triển sản xuất, 1.820 triệu cho xây dựng các công trình cơ bản, 129.710 triệu cho hỗ trợ học sinh con hộ nghèo đi học, 154 triệu cho làm vệ sinh chuồng trại và 80 triệu cho duy tu bảo dưỡng các công trình.

Tuy nhiên, do đặc điểm địa bàn ở các xóm ruộng bậc thang manh mún cho nên công tác thủy lợi như bai mương ở hai xã vẫn chưa đảm bảo. Nguồn nước tưới tiêu không đảm bảo, mương máng xuống cấp nghiêm trọng, kênh mương nội đồng chưa có để phân nước tưới tiêu. Lũ lụt hàng năm tràn vào ruộng gây sạt lở đất ruộng và đường đi. Một số xóm không có hỗ trợ để tưới cho lúa, chỉ nhờ vào thiên nhiên từ thượng nguồn chảy về ruộng trong khi đó lại không có mương bai xây kiên cố nào. Một số bai trong xóm còn đắp bằng cây que đất nhất là mương tưới tiêu nên hiện nay một số đoạn đã vỡ do không đảm bảo chất lượng, hàng vụ phải huy động lao động sửa chữa, đắp đất đá mới đưa được đất ra ruộng.

4.3.3. Vốn tín dụng

Các hộ dân trong hai xã thường thiếu vốn do nguyên nhân chủ yếu là không có tích luỹ từ quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, họ thường không dám vay ngân hàng vì lo sợ không trả được hoặc do hộ không có tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng. Nguồn vốn mà hộ nông dân dễ dàng vay vốn đó là vay từ họ hàng, anh em, bạn bè… tuy không mất lãi suất nhưng chỉ vay được số tiền rất ít với thời gian ngắn để phục vụ chi tiêu sinh hoạt trước mắt chứ không đáp ứng được nhu cầu cho sản xuất. Chính vì vậy, tỉnh chủ chương cung cấp tín dụng ưu đãi chủ yếu là tín dụng quy mô nhỏ cho các hộ gia đình nghèo với thủ tục vay và thu hồi vốn đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, phù hợp với người nghèo.

- Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo: Hộ nghèo được vay vốn ưu đãi thông qua ngân hàng chính sách cho phát triển sản xuất tùy theo nhu cầu thông qua các hội như hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh. Áp dụng linh hoạt phương thức cho vay, chủ yếu là tín chấp thông qua hình thức nhóm tín dụng–tiết kiệm, hoặc các nhóm tương trợ tự nguyện của người nghèo, các đoàn thể xã hội. Số tiền vay bình quân từ 4-7 triệu đồng nhưng tối đa không vượt quá 20 triệu đồng và không quá 5 năm.

Tuy nhiên đa số người dân đánh giá là thời gian vay của vốn ưu đãi quá ngắn, nên cho vay từ 5 năm trở lên. *Theo Ông Bàn Văn Huynh, hộ cận nghèo ở xóm cạn 2, xã Xuân Phong, mặc dù thủ tục vay tín dụng không rườm rà, phức tạp nhưng số lượng vốn được vay ít, không đủ để đầu tư. Ông muốn được vay từ 10 triệu trở lên, vì ông có vay của ngân hàng chính sách là 5 triệu nhưng ông đầu tư mua trâu hết 7 triệu và ông phải vay thêm cả anh em họ hàng.*

Một số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ vốn lại không đăng ký vay vì họ không biết phải sử dụng số tiền đó như thế nào... *Hộ ông Bàn Văn Thiêm, hộ nghèo xóm Mít xã Tu Lý, huyện Đà Bắc. Gia đình*

Bảng 2: Nguồn vốn cho hộ nghèo vay tại xã Xuân Phong

Nguồn vay	Tổng số vốn vay (triệu đồng)	Số hộ được vay (hộ)
Ngân hàng Chính sách xã hội	1.400	94
Childfund	600	992

Nguồn: Hội phụ nữ xã

Bảng 3: Số hộ nghèo vay vốn từ ngân hàng Chính sách xã hội xã Tu Lý

	2007	2008	2009	2010
Số lượng hộ	412	460	650	660

Nguồn: Phòng Thống kê xã

ông có ba người, hai ông bà và một anh con trai bị câm điếc nhưng vẫn có khả năng lao động. Đây là một gia đình người Dao Tiền. Đồ đạc trong nhà rất đơn sơ và cũ, gần như không có một tài sản nào đáng giá ngoài một vài bao thóc để góc nhà. Ông chia sẻ: "Năm ngoái tôi có được nằm trong danh sách vay vốn, nhưng tôi chẳng muốn vay vì cũng không biết dùng làm việc gì. Nhưng các anh trong xã bảo rằng được vay thì cứ đến nhận rồi làm gì thì làm".

Chính sách tín dụng cho vay ưu đãi cho hộ nghèo đã góp phần rất quan trọng trong việc phát triển sản xuất. Tuy nhiên, đối với một số nhóm hộ không biết sử dụng nguồn vốn vay này như thế nào hoặc không có nhu cầu vay vốn. Trong khi đó các nhóm hộ cận nghèo có nhu cầu vay để thoát nghèo bền vững lại không tiếp cận được với nguồn tín dụng này. Bên cạnh đó mức vốn cho vay được đánh giá là thấp và không đủ để mở rộng quy mô sản xuất.

4.3.4. Nguồn nhân lực và các tổ chức xã hội

Do trình độ dân trí còn thấp nên việc tiếp cận với các kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất của đồng bào dân tộc còn nhiều hạn chế. Trong những năm qua, Chương trình giảm nghèo phối hợp với các tổ chức hội như hội Phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên... đã tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giúp cho người dân hai xã tiếp cận được với các dịch vụ xã hội và dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất. Trẻ em của các hộ gặp khó khăn đã được tạo cơ hội đến trường.

- *Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo*: Hộ nghèo ở hai xã được phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Xuân phong năm 2009 cấp 1813 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, xã Tu Lý bảo hiểm y tế được phát cho 702 hộ nghèo là 2610 thẻ, cho dân tộc thiểu số 1525 thẻ. Theo đánh giá của các hộ các thủ tục để chữa bệnh bằng thẻ đơn giản và thuận tiện. Ngoài ra Hội phụ nữ và đoàn thanh niên phối hợp với các tổ chức trong tỉnh và quốc tế mở các lớp tập huấn tuyên truyền giúp nâng cao nhận thức cho người dân về sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV và một số bệnh khác.

- *Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo*: Con em hộ nghèo đi học được miễn giảm học phí 100%. Xã Tu Lý năm 2010 có 327 hộ có con em được miễn giảm học phí, có 250 hộ có con em được đào tạo nghề . Theo đánh giá của người dân trong xã thì thủ tục của dự án đơn giản và thuận tiện. Tuy nhiên, con em của một số hộ nghèo vẫn bỏ học từ sớm nguyên nhân chính vẫn là do vấn đề về kinh tế.

- *Dự án khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất phát triển ngành nghề*: Hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất cho người nghèo là giải pháp quan trọng để thực hiện XĐGN bền vững, lãnh đạo xã đã tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình để chuyển giao tiến bộ về giống mới, quy trình kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Trong sản xuất hộ nghèo được hỗ trợ giống lúa mới, giống gà, giống lợn, phân bón ưu đãi. Các dự án về khuyến nông - lâm ngư đã phát huy được vai trò và thu được những phản ứng tích cực của người dân. Việc tập huấn này không chỉ đem lại lợi ích cho riêng hộ nghèo mà còn đem lại lợi ích cho các hộ cận nghèo và các nhóm hộ khác. Thôn xã đều lên kế hoạch chỉ đạo sản xuất vận động các hộ trong thôn thực hiện theo quy trình sản xuất đúng thời vụ, mở lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi tại thôn. Hội nông dân trong xã đã đứng ra thế chấp cho nông dân vay phân NPK tại

Bảng 4: Số hộ được hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ về y tế và giáo dục tại hai xã

		2007	2008	2009	2010
Số hộ trong xã có con em được miễn giảm học phí xã Tu Lý	hộ	455	435	366	327
Số hộ được cấp thẻ bảo hiểm y tế xã Tu Lý	hộ	365	365	296	417
Số hộ trong xã có con em được đào tạo nghề xã Tu Lý	hộ	323	328	240	250
Số thẻ được bảo hiểm y tế được phát tại xã Xuân Phong	thẻ				1813
Số hộ có con em miễn giảm học phí tại xã Xuân Phong	hộ				416

Nguồn: Phòng LĐTBXH xã

Bảng 6: Các hoạt động tập huấn phối hợp với các tổ chức hội ở xã Tu Lý

Loại tập huấn	Năm	Tổ chức phối hợp	Số hộ tham gia
Dự án ADDA Đan Mạch: truyền giao khoa học kỹ thuật cho nông dân trên cây ngô, cây rau và chăn nuôi	2008	Hội nông dân	225
Dự án hỗ trợ phát triển AAV : Dự án tài nguyên môi trường giảm nghèo nông thô: biết cách bón phân vi sinh, chăn nuôi lợn gà và ong, trồng cây lâm nghiệp cho hộ nông dân nghèo xóm 135	2009	Hội nông dân	30
Dự án nuôi trồng thủy sản do chi hội Phụ nữ tỉnh	2005	Hội phụ nữ	32
Vận động hội viên tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo phát triển kinh tế hộ của ngân hàng chính sách	2005	Hội phụ nữ	191

Nguồn: Báo cáo của Hội Nông dân, hội Phụ nữ xã

Bảng 7: Các hoạt động tập huấn phối hợp với tổ chức hội tại xã Xuân Phong

Loại tập huấn	Năm	Tổ chức phối hợp	Số hộ tham gia
Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi lợn nái	2007	Hội phụ nữ phối hợp với khuyến nông huyện	12
Tập huấn chăn nuôi lợn thịt	2007	Hội phụ nữ phối hợp với khuyến nông huyện	45
Tập huấn cho phụ nữ nghèo vay vốn	2007	Hội phụ nữ	90
Tập huấn pháp lệnh dân số	2007	Hội phụ nữ phối hợp với ban dân số KHHGD	140
Tư vấn luật hôn nhân gia đình	2007	Phối hợp với ban tư pháp	90
Tư vấn cây thuốc nam		Đông y	14
Hoạt động dịch vụ mua phân bón và giống cây trồng	2001 - 2009	Hội nông dân huyện, xã	
Tập huấn kỹ thuật về chăn nuôi trồng trọt	2004 - 2009	Hội nông dân phối hợp với ban quản lý dự án huyện	
Tập huấn về bón phân NPK và phân trâu binh điền cho các loại cây trồng	2003 - 2006	Hội ND phối hợp với công ty Phân bón lâm thao Phú Thọ	
Dự án trồng rừng và tái trồng rừng theo cơ chế phát triển sạch (AR-CDM)	2009	Jica và công ty honda viet nam hỗ trợ	

Nguồn: Báo cáo của Hội Nông dân, hội Phụ nữ xã

ngân hàng nông nghiệp đến vụ thu hoạch mới trả, giúp các hộ mua giống lúa, ngô để các hộ mua được trợ giá của nhà nước tạo thuận lợi cho bà con ứng trước đề làm cho kịp thời vụ, tăng năng suất. Tại xã Tu Lý, năm 2007 có 964 hộ được hỗ trợ mua giống và phân bón với giá ưu đãi, đến năm 2008 là 943 hộ, năm 2009 là 77 hộ và năm 2010 là 327 hộ

Tuy nhiên, có một số ý kiến cho rằng giống hỗ trợ thường đưa về xã không kịp thời vụ, không đảm bảo về kỹ thuật. Đối với những loại giống ngô tốt thì lại không trợ giá. Thủ tục xin trợ giá còn rườm rà ví dụ

như đối với giống lúa lai phải xin giấy giới thiệu mà mỗi giống chỉ được 10kg, muốn mua nhiều trên 10kg phải có nhiều giấy mà mỗi giấy tờ một khác. Ngoài ra do không nắm bắt kịp thời thông tin, khi người dân xin giấy giới thiệu của xã đến nơi mua thì lại hết vật tư trợ giá, đã gây không ít khó khăn cho bà con đi lại và chờ đợi để mua giống hoặc phải mua với giá cao.

Phong tục tập quán, trình độ giáo dục thấp vẫn là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật của người dân. Bên cạnh đó, đa phần họ không có đủ nguồn kinh phí để đầu tư vào sản xuất như được tập huấn vì vậy việp áp dụng còn nhiều hạn chế. Ngoài ra, các hoạt động tập huấn từ trên đưa xuống nên không phù hợp với nhu cầu của người dân vì vậy cho nên họ đến dự tập huấn chỉ với một động cơ duy nhất là để nhận tiền.

Các tổ chức đoàn thể mới chỉ đóng vai trò tuyên truyền, là cầu nối giữa người nông dân với các hoạt động của các tổ chức khác. Do sự hạn chế về tài chính nên các tổ chức này chưa thực sự chủ động trong việc tham gia hoạch định, tổ chức và thực hiện các hoạt động giúp các hội viên phát triển sản xuất. Bên cạnh đó mặc dù việc liên kết giữa các hộ dân trong sản xuất là một yêu cầu cấp thiết của người dân thế nhưng hoạt động này vẫn còn khá mờ nhạt, chủ yếu thông qua mỗi quan hệ của từng cá nhân riêng rẽ.

5. Kết luận

Qua phân tích trên cho thấy sự thay đổi của các nguồn vốn sinh kế trong quá trình thực hiện các dự án giảm nghèo có khác nhau.

Các dự án tín dụng ưu đãi đã có tác động tích cực giúp cho người dân thoát nghèo. Tuy nhiên để kết quả này mang tính bền vững thì cần phải có sự hỗ trợ gia tăng các nguồn vốn tài chính từ các kênh khác nhau thông qua các tổ chức hội, giúp cho những hộ không bị mất đi cơ hội vay vốn khi không còn là hộ nghèo. Bên cạnh đó, ngoài việc cung cấp tín dụng thì cần phải có những hoạt động hướng dẫn người dân sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi đúng thời điểm mà họ được vay vốn.

Các dự án tác động vào cải thiện cơ sở hạ tầng và nguồn lực con người là hướng đi đúng, góp phần tăng khả năng tiếp cận và hội nhập của người nghèo trong bối cảnh kinh tế thị trường. Những dự án này không những làm thay đổi cục diện nông thôn mà còn làm thay đổi khả năng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Thông qua việc tập huấn các kiến thức kinh tế, xã hội các dự án góp phần thay đổi khả năng sản xuất của người dân theo hướng tích cực.

Tác động làm gia tăng các nguồn vốn tự nhiên (đất đai) còn là rào cản lớn nhất trong việc giúp các hộ dân thoát nghèo bền vững. Hiện nay, chúng ta chưa có các giải pháp hiệu quả giúp cải thiện tình trạng không có đất hoặc thiếu đất. Do chính sách giao đất giao rừng ổn định lâu dài cho hộ dân, nên những hộ mới tách hộ, hoặc những hộ từ nơi khác chuyển đến sẽ không có đất để sản xuất. Mặt khác việc tư nhân hóa nguồn tài nguyên rừng khiến cho các hộ nghèo không có khả năng sử dụng có hiệu quả đất rừng của mình do thiếu nguồn lực.

Cản trở thứ hai là mạng lưới xã hội của người dân vẫn còn yếu. Mặc dù tại các xã đều có các tổ chức hội như hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên... nhưng các tổ chức này chưa thực sự phát huy được vai trò của mình trong giảm nghèo. Mạng lưới xã hội không chỉ hỗ trợ người dân trong hoạt động sản xuất mà còn giúp cho người dân đối mặt với các rủi ro và các cú sốc về kinh tế.❐

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Lao động-Thương binh và xã hội, Nhìn lại quá khứ đối mặt thách thức mới, Nhà xuất bản Thanh niên, 6/2009.

2. Frank Ellis and H. Ade Freeman, 2002, *Rural Livihood and Poverty Reduction Policies.*

3. Lasse Krantz, 2001, *The sustainable livelihood approach and poverty reduction*, SIDA.

4. Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Hòa Bình, Khung Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Hòa Bình 2006- 2010.